

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 9 - 2025.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Truyền.
2. Ông Trần Hoàng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Liên V, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt).
2. Bị đơn: Ông Nguyễn D, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (cũ là khu phố 11, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên V trình bày:

Bà và ông Nguyễn D đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới hỏi, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã Ninh Phước, tỉnh Khánh Hòa) năm 2018. Sau khi kết hôn, bà và ông D chung sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2018 đến năm 2024. Quá trình chung sống vợ chồng ít hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không có tiếng nói chung. Từ tháng 7 năm

2024 đến nay vợ chồng bà không còn sống chung. Do mâu thuẫn kéo dài và không còn sống chung cùng nhau nên bà đề nghị Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 21/01/2016. Khi ly hôn, bà đề nghị giao con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông D cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung trưởng thành, lao động tự túc được. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên họp hòa giải bà V thay đổi yêu cầu về con chung, cấp dưỡng cụ thể: Khi ly hôn, bà đề nghị giao con chung là cháu K cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng. Từ khi bà và ông D không còn sống chung đến nay thì cháu K do ông D trực tiếp nuôi dưỡng, ông D làm nghề thợ nội thất thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Bà làm nhân viên bán hàng tại thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập là 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn D: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông D nhưng ông vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Nguyễn D. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Đông Hải, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ngày 12/8/2025 nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị

đơn là ông D nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: Quá trình giải quyết và tại phiên hoà giải bà V có thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung, cấp dưỡng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của BLTTDS, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã Ninh Phước, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 118 ngày 22/10/2018 nên là hôn nhân hợp pháp.

bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D là do: Quá trình chung sống vợ chồng ít khi hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không có tiếng nói chung. Từ tháng 7 năm 2024 đến nay vợ chồng bà không còn sống chung, không gặp gỡ, không quan tâm đến nhau.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa bà V và ông D có xảy ra mâu thuẫn dẫn tới việc từ năm 2024 cho đến nay ông, bà không còn sống chung cùng nhau. Đối với ông D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng ông D không đến Tòa án để làm việc, có thái độ bỏ mặc không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V.

[2.2] Về con chung: Bà V và ông D có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh K. Khi ly hôn, bà V đề nghị giao con chung là cháu K cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc thấy rằng: Sau khi hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay cháu K do ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu K ở với ba có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Theo trình bày của bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của ông D xác nhận: ông D đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, ông D làm thợ nội thất thu nhập khoảng 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu K cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con chung trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân. Xét đề nghị về cấp dưỡng của bà V là phù hợp với khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Khánh Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên V.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Liên V được ly hôn với ông Nguyễn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 21/01/2016 cho ông Nguyễn D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà Nguyễn Thị Liên V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu) đồng/tháng/con. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 08/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Liên V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm

ngàn đồng) bà V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001345 ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa). Bà V còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Ninh Phước, tỉnh Khánh Hòa (ĐKKH số:118 ngày 22/10/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Diệu